

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Toàn.

2. Ông Lương Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32 ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1990 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố số ..., thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Việt L, sinh năm 1990 – Vắng mặt.

HKTT: Tổ dân phố số ..., thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Chị N kết hôn với anh Phạm Việt L tháng 01/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống từ năm 2015 đến nay luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên chơi bài bạc, cá độ, không chú tâm làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Hai bên gia đình và chị Nga đã khuyên bảo, nhắc nhở, giúp đỡ nhưng không thành. Vì anh L nợ nần nhiều nên chị N đã bị xã hội đen, chủ nợ gọi điện, nhắn tin đe dọa, gây khủng hoảng tâm

lý cho chị N và con và những người thân trong gia đình. Đến thời điểm hiện tại anh L không bỏ được bài bạc, không tạo ra thu nhập, chủ nợ đe dọa mẹ con chị N nhiều hơn, gây nguy hiểm và ảnh hưởng đến cuộc sống của hai mẹ con chị N và gia đình. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh L theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 26/11/2016 nay đang ở với chị N, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị N nhận nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, công nợ, ruộng đất: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Việt L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh L không đến làm việc và không cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh thì được ông Phạm Văn H (bố đẻ anh L) cho biết: Anh L và chị N kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện. Sau khi tổ chức lễ cưới thì vợ chồng sống và làm việc tại Hà Nội đến năm 2019 thì hai vợ chồng chuyển về sinh sống, làm việc tại huyện Việt Yên. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Thời gian gần đây anh L có về sống cùng gia đình nhưng không thường xuyên có mặt tại nhà, đi làm thỉnh thoảng mới về. Vừa qua gia đình có nhận được đơn xin ly hôn của chị N gửi qua đường bưu điện, gia đình đã thông báo cho anh L và anh L có nói là kệ chị N. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh L, gia đình không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, gia đình chỉ mong muốn Tòa án hòa giải cho anh L và chị N về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Ngoài ra ông H trình bày gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của tòa án gửi cho anh L, ông H đã trực tiếp thông báo qua điện thoại cho anh L nhưng anh L bận công việc không về tòa án làm việc được.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Việt L và nhận nuôi con chung của vợ chồng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh L vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn anh Phạm Việt L.

Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được nuôi con Phạm Đăng K, sinh ngày 26/11/2016. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Ngọc N. Anh Phạm Việt L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Việt L là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố số ..., thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang và hiện đang ở tại: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt anh Phạm Việt L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Phạm Việt L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 – BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Phạm Việt L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2015 tại UBND thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh L chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận và có 01 con chung. Theo chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L chơi bài bạc dẫn đến nợ nần nhiều và bị chủ nợ và xã hội đen đe dọa ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, anh L không tu chí làm ăn. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L đến làm việc nhưng anh L không đến và không có lý do. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Qua xác minh tại gia đình ông Phạm Văn H (bố đẻ anh L) cho biết, sau khi gia đình nhận được các thông báo của tòa án, ông H đã điện thoại và thông báo cho anh L về tòa án làm việc nhưng anh L bận công việc không về được. HĐXX xét thấy việc anh L không đến tòa án làm việc là do anh L tự từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời gây khó khăn cho chị N trong việc xin ly hôn anh. Hiện nay chị N không có nguyện vọng chung sống cùng anh L nữa, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn anh Phạm Việt L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 26/11/2016 nay đang ở với chị N, đời sống được đảm bảo, sau khi ly hôn chị N nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của chị N thì thấy hiện nay cháu K đang ở với chị N đời sống được ổn định. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con chung cần giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được nuôi con Phạm Đăng K là phù hợp pháp luật. Do chị N không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Anh Phạm Việt L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

(5) Tài sản, công nợ: Không có, chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn anh Phạm Việt L.

-Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được nuôi con chung của vợ chồng là Phạm Đăng K, sinh ngày 26/11/2016. Anh Phạm Việt L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Anh Phạm Việt L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000504 ngày 15/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận chị Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp